

## CHƯƠNG 1: CÔNG THỨC LUỢNG GIÁC

### I. Định nghĩa

Trên mặt phẳng Oxy cho đường tròn lượng giác tâm O bán kính R=1 và điểm M trên đường tròn lượng giác mà  $\widehat{AM} = \beta$  với  $0 \leq \beta \leq 2\pi$

Đặt  $\alpha = \beta + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$

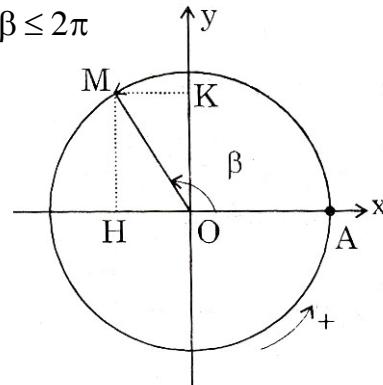
Ta định nghĩa:

$$\sin \alpha = \frac{OK}{OA}$$

$$\cos \alpha = \frac{OH}{OA}$$

$$\operatorname{tg} \alpha = \frac{\sin \alpha}{\cos \alpha} \text{ với } \cos \alpha \neq 0$$

$$\operatorname{cotg} \alpha = \frac{\cos \alpha}{\sin \alpha} \text{ với } \sin \alpha \neq 0$$



### II. Bảng giá trị lượng giác của một số cung (hay góc) đặc biệt

Góc $\alpha$ Giá trị	$0(0^\circ)$	$\frac{\pi}{6}(30^\circ)$	$\frac{\pi}{4}(45^\circ)$	$\frac{\pi}{3}(60^\circ)$	$\frac{\pi}{2}(90^\circ)$
$\sin \alpha$	0	$\frac{1}{2}$	$\frac{\sqrt{2}}{2}$	$\frac{\sqrt{3}}{2}$	1
$\cos \alpha$	1	$\frac{\sqrt{3}}{2}$	$\frac{\sqrt{2}}{2}$	$\frac{1}{2}$	0
$\operatorname{tg} \alpha$	0	$\frac{\sqrt{3}}{3}$	1	$\sqrt{3}$	II
$\operatorname{cotg} \alpha$	II	$\sqrt{3}$	1	$\frac{\sqrt{3}}{3}$	0

### III. Hệ thức cơ bản

$$\sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = 1$$

$$1 + \operatorname{tg}^2 \alpha = \frac{1}{\cos^2 \alpha} \text{ với } \alpha \neq \frac{\pi}{2} + k\pi (k \in \mathbb{Z})$$

$$1 + \operatorname{cotg}^2 \alpha = \frac{1}{\sin^2 \alpha} \text{ với } \alpha \neq k\pi (k \in \mathbb{Z})$$

### IV. Cung liên kết (Cách nhớ: cos đối, sin bù, tang sai $\pi$ ; phụ chéo)

a. Đối nhau:  $\alpha$  và  $-\alpha$

$$\sin(-\alpha) = -\sin \alpha$$

$$\cos(-\alpha) = \cos \alpha$$

$$\operatorname{tg}(-\alpha) = -\operatorname{tg}(\alpha)$$

$$\operatorname{cotg}(-\alpha) = -\operatorname{cotg}(\alpha)$$

b. Bù nhau:  $\alpha$  và  $\pi - \alpha$

$$\sin(\pi - \alpha) = \sin \alpha$$

$$\cos(\pi - \alpha) = -\cos \alpha$$

$$\operatorname{tg}(\pi - \alpha) = -\operatorname{tg} \alpha$$

$$\operatorname{cot g}(\pi - \alpha) = -\operatorname{cot g} \alpha$$

c. Sai nhau  $\pi$ :  $\alpha$  và  $\pi + \alpha$

$$\sin(\pi + \alpha) = -\sin \alpha$$

$$\cos(\pi + \alpha) = -\cos \alpha$$

$$\operatorname{tg}(\pi + \alpha) = \operatorname{tg} \alpha$$

$$\operatorname{cot g}(\pi + \alpha) = \operatorname{cot g} \alpha$$

d. Phụ nhau:  $\alpha$  và  $\frac{\pi}{2} - \alpha$

$$\sin\left(\frac{\pi}{2} - \alpha\right) = \cos \alpha$$

$$\cos\left(\frac{\pi}{2} - \alpha\right) = \sin \alpha$$

$$\operatorname{tg}\left(\frac{\pi}{2} - \alpha\right) = \operatorname{cot g} \alpha$$

$$\operatorname{cot g}\left(\frac{\pi}{2} - \alpha\right) = \operatorname{tg} \alpha$$

e. Sai nhau  $\frac{\pi}{2}$ :  $\alpha$  và  $\frac{\pi}{2} + \alpha$

$$\sin\left(\frac{\pi}{2} + \alpha\right) = \cos \alpha$$

$$\cos\left(\frac{\pi}{2} + \alpha\right) = -\sin \alpha$$

$$\operatorname{tg}\left(\frac{\pi}{2} + \alpha\right) = -\operatorname{cot g} \alpha$$

$$\operatorname{cot g}\left(\frac{\pi}{2} + \alpha\right) = -\operatorname{tg} \alpha$$

f.

$$\begin{aligned}\sin(x + k\pi) &= (-1)^k \sin x, k \in \mathbb{Z} \\ \cos(x + k\pi) &= (-1)^k \cos x, k \in \mathbb{Z} \\ \operatorname{tg}(x + k\pi) &= \operatorname{tg} x, k \in \mathbb{Z} \\ \operatorname{cot g}(x + k\pi) &= \operatorname{cot g} x\end{aligned}$$

#### V. Công thức cộng

$$\begin{aligned}\sin(a \pm b) &= \sin a \cos b \pm \sin b \cos a \\ \cos(a \pm b) &= \cos a \cos b \mp \sin a \sin b \\ \operatorname{tg}(a \pm b) &= \frac{\operatorname{tg} a \pm \operatorname{tg} b}{1 \mp \operatorname{tg} a \operatorname{tg} b}\end{aligned}$$

#### VI. Công thức nhân đôi

$$\begin{aligned}\sin 2a &= 2 \sin a \cos a \\ \cos 2a &= \cos^2 a - \sin^2 a = 1 - 2 \sin^2 a = 2 \cos^2 a - 1 \\ \operatorname{tg} 2a &= \frac{2 \operatorname{tg} a}{1 - \operatorname{tg}^2 a} \\ \operatorname{cot g} 2a &= \frac{\operatorname{cot g}^2 a - 1}{2 \operatorname{cot g} a}\end{aligned}$$

#### VII. Công thức nhân ba:

$$\begin{aligned}\sin 3a &= 3 \sin a - 4 \sin^3 a \\ \cos 3a &= 4 \cos^3 a - 3 \cos a\end{aligned}$$

#### VIII. Công thức hạ bậc:

$$\begin{aligned}\sin^2 a &= \frac{1}{2}(1 - \cos 2a) \\ \cos^2 a &= \frac{1}{2}(1 + \cos 2a) \\ \operatorname{tg}^2 a &= \frac{1 - \cos 2a}{1 + \cos 2a}\end{aligned}$$

#### IX. Công thức chia đôi

Đặt  $t = \operatorname{tg} \frac{a}{2}$  (với  $a \neq \pi + k2\pi$ )

$$\begin{aligned}\sin a &= \frac{2t}{1+t^2} \\ \cos a &= \frac{1-t^2}{1+t^2} \\ \operatorname{tga} &= \frac{2t}{1-t^2}\end{aligned}$$

### X. Công thức biến đổi tổng thành tích

$$\begin{aligned}\cos a + \cos b &= 2 \cos \frac{a+b}{2} \cos \frac{a-b}{2} \\ \cos a - \cos b &= -2 \sin \frac{a+b}{2} \sin \frac{a-b}{2} \\ \sin a + \sin b &= 2 \cos \frac{a+b}{2} \sin \frac{a-b}{2} \\ \sin a - \sin b &= 2 \cos \frac{a+b}{2} \sin \frac{a-b}{2} \\ \operatorname{tga} \pm \operatorname{tgb} &= \frac{\sin(a \pm b)}{\cos a \cos b} \\ \operatorname{cot ga} \pm \operatorname{cot gb} &= \frac{\sin(b \pm a)}{\sin a \cdot \sin b}\end{aligned}$$

### XI. Công thức biến đổi tích thành tổng

$$\begin{aligned}\cos a \cdot \cos b &= \frac{1}{2} [\cos(a+b) + \cos(a-b)] \\ \sin a \cdot \sin b &= \frac{-1}{2} [\cos(a+b) - \cos(a-b)] \\ \sin a \cdot \cos b &= \frac{1}{2} [\sin(a+b) + \sin(a-b)]\end{aligned}$$

**Bài 1:** Chứng minh  $\frac{\sin^4 a + \cos^4 a - 1}{\sin^6 a + \cos^6 a - 1} = \frac{2}{3}$

Ta có:

$$\sin^4 a + \cos^4 a - 1 = (\sin^2 a + \cos^2 a)^2 - 2 \sin^2 a \cos^2 a - 1 = -2 \sin^2 a \cos^2 a$$

Và:

$$\begin{aligned}\sin^6 a + \cos^6 a - 1 &= (\sin^2 a + \cos^2 a)(\sin^4 a - \sin^2 a \cos^2 a + \cos^4 a) - 1 \\ &= \sin^4 a + \cos^4 a - \sin^2 a \cos^2 a - 1 \\ &= (1 - 2 \sin^2 a \cos^2 a) - \sin^2 a \cos^2 a - 1 \\ &= -3 \sin^2 a \cos^2 a\end{aligned}$$

$$\text{Do đó: } \frac{\sin^4 a + \cos^4 a - 1}{\sin^6 a + \cos^6 a - 1} = \frac{-2\sin^2 a \cos^2 a}{-3\sin^2 a \cos^2 a} = \frac{2}{3}$$

**Bài 2:** Rút gọn biểu thức  $A = \frac{1+\cos x}{\sin x} = \left[ 1 + \frac{(1-\cos x)^2}{\sin^2 x} \right]$

Tính giá trị A nếu  $\cos x = -\frac{1}{2}$  và  $\frac{\pi}{2} < x < \pi$

$$\text{Ta có: } A = \frac{1+\cos x}{\sin x} \left( \frac{\sin^2 x + 1 - 2\cos x + \cos^2 x}{\sin^2 x} \right)$$

$$\Leftrightarrow A = \frac{1+\cos x}{\sin x} \cdot \frac{2(1-\cos x)}{\sin^2 x}$$

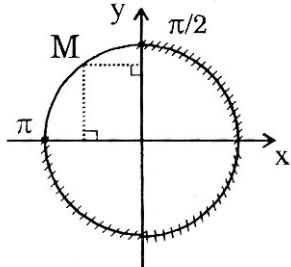
$$\Leftrightarrow A = \frac{2(1-\cos^2 x)}{\sin^3 x} = \frac{2\sin^2 x}{\sin^3 x} = \frac{2}{\sin x} \quad (\text{với } \sin x \neq 0)$$

$$\text{Ta có: } \sin^2 x = 1 - \cos^2 x = 1 - \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$$

$$\text{Do: } \frac{\pi}{2} < x < \pi \text{ nên } \sin x > 0$$

$$\text{Vậy } \sin x = \frac{\sqrt{3}}{2}$$

$$\text{Do đó } A = \frac{2}{\sin x} = \frac{4}{\sqrt{3}} = \frac{4\sqrt{3}}{3}$$



**Bài 3:** Chứng minh các biểu thức sau đây không phụ thuộc x:

a.  $A = 2\cos^4 x - \sin^4 x + \sin^2 x \cos^2 x + 3\sin^2 x$

b.  $B = \frac{2}{\tan x - 1} + \frac{\cot gx + 1}{\cot gx - 1}$

a. Ta có:

$$A = 2\cos^4 x - \sin^4 x + \sin^2 x \cos^2 x + 3\sin^2 x$$

$$\Leftrightarrow A = 2\cos^4 x - (1 - \cos^2 x)^2 + (1 - \cos^2 x)\cos^2 x + 3(1 - \cos^2 x)$$

$$\Leftrightarrow A = 2\cos^4 x - (1 - 2\cos^2 x + \cos^4 x) + \cos^2 x - \cos^4 x + 3 - 3\cos^2 x$$

$$\Leftrightarrow A = 2 \quad (\text{không phụ thuộc x})$$

b. Với điều kiện  $\sin x \cdot \cos x \neq 0, \tan x \neq 1$

$$\text{Ta có: } B = \frac{2}{\tan x - 1} + \frac{\cot gx + 1}{\cot gx - 1}$$

$$\Leftrightarrow B = \frac{2}{\tan x - 1} + \frac{\frac{1}{\tan x} + 1}{\frac{1}{\tan x} - 1} = \frac{2}{\tan x - 1} + \frac{1 + \tan x}{1 - \tan x}$$

$$\Leftrightarrow B = \frac{2 - (1 - \tan x)}{\tan x - 1} = \frac{1 - \tan x}{\tan x - 1} = -1 \text{ (không phụ thuộc vào } x)$$

Bài 4: Chứng minh

$$\frac{1 + \cos a}{2 \sin a} \left[ 1 - \frac{(1 - \cos a)^2}{\sin^2 a} \right] + \frac{\cos^2 b - \sin^2 c}{\sin^2 b \sin^2 c} - \cot g^2 b \cot g^2 c = \cot ga - 1$$

Ta có:

$$\begin{aligned} & * \frac{\cos^2 b - \sin^2 c}{\sin^2 b \cdot \sin^2 c} - \cot g^2 b \cdot \cot g^2 c \\ &= \frac{\cot g^2 b}{\sin^2 c} - \frac{1}{\sin^2 b} - \cot g^2 b \cot g^2 c \\ &= \cot g^2 b (1 + \cot g^2 c) - (1 + \cot g^2 b) - \cot g^2 b \cot g^2 c = -1 \quad (1) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & * \frac{1 + \cos a}{2 \sin a} \left[ 1 - \frac{(1 - \cos a)^2}{\sin^2 a} \right] \\ &= \frac{1 + \cos a}{2 \sin a} \left[ 1 - \frac{(1 - \cos a)^2}{1 - \cos^2 a} \right] \\ &= \frac{1 + \cos a}{2 \sin a} \left[ 1 - \frac{1 - \cos a}{1 + \cos a} \right] \\ &= \frac{1 + \cos a}{2 \sin a} \cdot \frac{2 \cos a}{1 + \cos a} = \cot ga \quad (2) \end{aligned}$$

Lấy (1) + (2) ta được điều phải chứng minh xong.

Bài 5: Cho  $\Delta ABC$  tùy ý với ba góc đều là nhọn.

Tìm giá trị nhỏ nhất của  $P = \tan A \cdot \tan B \cdot \tan C$

Ta có:  $A + B = \pi - C$

Nên:  $\tan(A + B) = -\tan C$

$$\Leftrightarrow \frac{\tan A + \tan B}{1 - \tan A \cdot \tan B} = -\tan C$$

$$\Leftrightarrow \tan A + \tan B = -\tan C + \tan A \cdot \tan B \cdot \tan C$$

Vậy:  $P = \tan A \cdot \tan B \cdot \tan C = \tan A + \tan B + \tan C$

Áp dụng bất đẳng thức Cauchy cho ba số dương  $\tan A, \tan B, \tan C$  ta được  $\tan A + \tan B + \tan C \geq 3\sqrt[3]{\tan A \cdot \tan B \cdot \tan C}$

$$\Leftrightarrow P \geq 3\sqrt[3]{P}$$

$$\Leftrightarrow \sqrt[3]{P^2} \geq 3$$

$$\Leftrightarrow P \geq 3\sqrt{3}$$

Dấu “=” xảy ra  $\Leftrightarrow \begin{cases} \tan A = \tan B = \tan C \\ 0 < A, B, C < \frac{\pi}{2} \end{cases} \Leftrightarrow A = B = C = \frac{\pi}{3}$

Do đó:  $\text{Min}P = 3\sqrt{3} \Leftrightarrow A = B = C = \frac{\pi}{3}$

**Bài 6:** Tìm giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của

a/  $y = 2\sin^8 x + \cos^4 2x$

b/  $y = \sqrt[4]{\sin x} - \sqrt{\cos x}$

a/ Ta có:  $y = 2\left(\frac{1 - \cos 2x}{2}\right)^4 + \cos^4 2x$

Đặt  $t = \cos 2x$  với  $-1 \leq t \leq 1$  thì

$$y = \frac{1}{8}(1 - t)^4 + t^4$$

$$\Rightarrow y' = -\frac{1}{2}(1 - t)^3 + 4t^3$$

Ta có:  $y' = 0 \Leftrightarrow (1 - t)^3 = 8t^3$

$$\Leftrightarrow 1 - t = 2t$$

$$\Leftrightarrow t = \frac{1}{3}$$

Ta có  $y(1) = 1$ ;  $y(-1) = 3$ ;  $y\left(\frac{1}{3}\right) = \frac{1}{27}$

Do đó:  $\underset{x \in \mathbb{R}}{\text{Max } y} = 3$  và  $\underset{x \in \mathbb{R}}{\text{Min } y} = \frac{1}{27}$

b/ Do điều kiện:  $\sin x \geq 0$  và  $\cos x \geq 0$  nên miền xác định

$$D = \left[ k2\pi, \frac{\pi}{2} + k2\pi \right] \text{ với } k \in \mathbb{Z}$$

Đặt  $t = \sqrt{\cos x}$  với  $0 \leq t \leq 1$  thì  $t^4 = \cos^2 x = 1 - \sin^2 x$

Nên  $\sin x = \sqrt{1 - t^4}$

Vậy  $y = \sqrt[4]{1 - t^4} - t$  trên  $D' = [0, 1]$

Thì  $y' = \frac{-t^3}{2\sqrt[8]{(1 - t^4)^7}} - 1 < 0 \quad \forall t \in [0; 1)$

Nên y giảm trên  $[0, 1]$ . Vậy:  $\underset{x \in D}{\text{max } y} = y(0) = 1$ ,  $\underset{x \in D}{\text{min } y} = y(1) = -1$

**Bài 7:** Cho hàm số  $y = \sqrt{\sin^4 x + \cos^4 x - 2m \sin x \cos x}$

Tìm giá trị m để y xác định với mọi x

Xét  $f(x) = \sin^4 x + \cos^4 x - 2m \sin x \cos x$

$$f(x) = (\sin^2 x + \cos^2 x)^2 - m \sin 2x - 2 \sin^2 x \cos^2 x$$

$$f(x) = 1 - \frac{1}{2} \sin^2 2x - m \sin 2x$$

Đặt:  $t = \sin 2x$  với  $t \in [-1, 1]$

y xác định  $\forall x \Leftrightarrow f(x) \geq 0 \forall x \in \mathbb{R}$

$$\Leftrightarrow 1 - \frac{1}{2}t^2 - mt \geq 0 \quad \forall t \in [-1, 1]$$

$$\Leftrightarrow g(t) = t^2 + 2mt - 2 \leq 0 \quad \forall t \in [-1, 1]$$

Do  $\Delta' = m^2 + 2 > 0 \quad \forall m$  nên  $g(t)$  có 2 nghiệm phân biệt  $t_1, t_2$

Lúc đó	t	t <sub>1</sub>	t <sub>2</sub>	
		g(t)	+	0

Do đó: yêu cầu bài toán  $\Leftrightarrow t_1 \leq -1 < 1 \leq t_2$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} 1g(-1) \leq 0 \\ 1g(1) \leq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} -2m - 1 \leq 0 \\ 2m - 1 \leq 0 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} m \geq \frac{-1}{2} \\ m \leq \frac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow -\frac{1}{2} \leq m \leq \frac{1}{2}$$

Cách khác:

$$g(t) = t^2 + 2mt - 2 \leq 0 \quad \forall t \in [-1, 1]$$

$$\Leftrightarrow \max_{t \in [-1, 1]} g(t) \leq 0 \Leftrightarrow \max \{g(-1), g(1)\} \leq 0$$

$$\Leftrightarrow \max \{-2m - 1, -2m + 1\} \leq 0 \Leftrightarrow \begin{cases} m \geq \frac{-1}{2} \\ m \leq \frac{1}{2} \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow -\frac{1}{2} \leq m \leq \frac{1}{2}$$

**Bài 8:** Chứng minh  $A = \sin^4 \frac{\pi}{16} + \sin^4 \frac{3\pi}{16} + \sin^4 \frac{5\pi}{16} + \sin^4 \frac{7\pi}{16} = \frac{3}{2}$

$$\text{Ta có: } \sin \frac{7\pi}{16} = \sin \left( \frac{\pi}{2} - \frac{\pi}{16} \right) = \cos \frac{\pi}{16}$$

$$\sin \frac{5\pi}{16} = \cos \left( \frac{\pi}{2} - \frac{5\pi}{16} \right) = \cos \frac{3\pi}{16}$$

$$\begin{aligned} \text{Mặt khác: } \sin^4 \alpha + \cos^4 \alpha &= (\sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha)^2 - 2 \sin^2 \alpha \cos^2 \alpha \\ &= 1 - 2 \sin^2 \alpha \cos^2 \alpha \\ &= 1 - \frac{1}{2} \sin^2 2\alpha \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
\text{Do đó : } A &= \sin^4 \frac{\pi}{16} + \sin^4 \frac{7\pi}{16} + \sin^4 \frac{3\pi}{16} + \sin^4 \frac{5\pi}{16} \\
&= \left( \sin^4 \frac{\pi}{16} + \cos^4 \frac{\pi}{16} \right) + \left( \sin^4 \frac{3\pi}{16} + \cos^4 \frac{3\pi}{16} \right) \\
&= \left( 1 - \frac{1}{2} \sin^2 \frac{\pi}{8} \right) + \left( 1 - \frac{1}{2} \sin^2 \frac{3\pi}{8} \right) \\
&= 2 - \frac{1}{2} \left( \sin^2 \frac{\pi}{8} + \sin^2 \frac{3\pi}{8} \right) \\
&= 2 - \frac{1}{2} \left( \sin^2 \frac{\pi}{8} + \cos^2 \frac{\pi}{8} \right) \quad \left( \text{do } \sin \frac{3\pi}{8} = \cos \frac{\pi}{8} \right) \\
&= 2 - \frac{1}{2} = \frac{3}{2}
\end{aligned}$$

**Bài 9 :** Chứng minh :  $16 \sin 10^\circ \cdot \sin 30^\circ \cdot \sin 50^\circ \cdot \sin 70^\circ = 1$

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } A &= \frac{A \cos 10^\circ}{\cos 10^\circ} = \frac{1}{\cos 10^\circ} (16 \sin 10^\circ \cos 10^\circ) \sin 30^\circ \cdot \sin 50^\circ \cdot \sin 70^\circ \\
\Leftrightarrow A &= \frac{1}{\cos 10^\circ} (8 \sin 20^\circ) \left( \frac{1}{2} \right) \cos 40^\circ \cdot \cos 20^\circ \\
\Leftrightarrow A &= \frac{1}{\cos 10^\circ} (4 \sin 20^\circ \cos 20^\circ) \cdot \cos 40^\circ \\
\Leftrightarrow A &= \frac{1}{\cos 10^\circ} (2 \sin 40^\circ) \cos 40^\circ \\
\Leftrightarrow A &= \frac{1}{\cos 10^\circ} \sin 80^\circ = \frac{\cos 10^\circ}{\cos 10^\circ} = 1
\end{aligned}$$

**Bài 10 :** Cho  $\Delta ABC$ . Chứng minh :  $\operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{C}{2} \operatorname{tg} \frac{A}{2} = 1$

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } \frac{A+B}{2} &= \frac{\pi}{2} - \frac{C}{2} \\
\text{Vậy : } \operatorname{tg} \frac{A+B}{2} &= \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \\
\Leftrightarrow \frac{\operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2}}{1 - \operatorname{tg} \frac{A}{2} \cdot \operatorname{tg} \frac{B}{2}} &= \frac{1}{\operatorname{tg} \frac{C}{2}} \\
\Leftrightarrow \left[ \operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} \right] \operatorname{tg} \frac{C}{2} &= 1 - \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} \\
\Leftrightarrow \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} &= 1
\end{aligned}$$

**Bài 11 :** Chứng minh :  $8 + 4 \operatorname{tg} \frac{\pi}{8} + 2 \operatorname{tg} \frac{\pi}{16} + \operatorname{tg} \frac{\pi}{32} = \operatorname{cotg} \frac{\pi}{32} (*)$

$$\text{Ta có : } (*) \Leftrightarrow 8 = \cot g \frac{\pi}{32} - \tg \frac{\pi}{32} - 2\tg \frac{\pi}{16} - 4\tg \frac{\pi}{8}$$

$$\begin{aligned}\text{Mà : } \cot g a - \tg a &= \frac{\cos a}{\sin a} - \frac{\sin a}{\cos a} = \frac{\cos^2 a - \sin^2 a}{\sin a \cos a} \\ &= \frac{\cos 2a}{\frac{1}{2} \sin 2a} = 2 \cot g 2a\end{aligned}$$

Do đó :

$$(*) \Leftrightarrow \left[ \cot g \frac{\pi}{32} - \tg \frac{\pi}{32} \right] - 2\tg \frac{\pi}{16} - 4\tg \frac{\pi}{8} = 8$$

$$\Leftrightarrow \left[ 2 \cot g \frac{\pi}{16} - 2\tg \frac{\pi}{16} \right] - 4\tg \frac{\pi}{8} = 8$$

$$\Leftrightarrow 4 \cot g \frac{\pi}{8} - 4\tg \frac{\pi}{8} = 8$$

$$\Leftrightarrow 8 \cot g \frac{\pi}{4} = 8 \quad (\text{hiển nhiên đúng})$$

**Bài :12 :** Chứng minh :

$$\text{a/ } \cos^2 x + \cos^2 \left( \frac{2\pi}{3} + x \right) + \cos^2 \left( \frac{2\pi}{3} - x \right) = \frac{3}{2}$$

$$\text{b/ } \frac{1}{\sin 2x} + \frac{1}{\sin 4x} + \frac{1}{\sin 8x} + \frac{1}{\sin 16x} = \cot g x - \cot g 16x$$

$$\begin{aligned}\text{a/ Ta có : } \cos^2 x + \cos^2 \left( \frac{2\pi}{3} + x \right) + \cos^2 \left( \frac{2\pi}{3} - x \right) \\ &= \frac{1}{2}(1 + \cos 2x) + \frac{1}{2} \left[ 1 + \cos \left( 2x + \frac{4\pi}{3} \right) \right] + \frac{1}{2} \left[ 1 + \cos \left( \frac{4\pi}{3} - 2x \right) \right] \\ &= \frac{3}{2} + \frac{1}{2} \left[ \cos 2x + \cos \left( 2x + \frac{4\pi}{3} \right) + \cos \left( \frac{4\pi}{3} - 2x \right) \right] \\ &= \frac{3}{2} + \frac{1}{2} \left[ \cos 2x + 2 \cos 2x \cos \frac{4\pi}{3} \right] \\ &= \frac{3}{2} + \frac{1}{2} \left[ \cos 2x + 2 \cos 2x \left( -\frac{1}{2} \right) \right] \\ &= \frac{3}{2}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{b/ Ta có : } \cot g a - \cot g b &= \frac{\cos a}{\sin a} - \frac{\cos b}{\sin b} = \frac{\sin b \cos a - \sin a \cos b}{\sin a \sin b} \\ &= \frac{\sin(b-a)}{\sin a \sin b}\end{aligned}$$

$$\text{Do đó : } \cot g x - \cot g 2x = \frac{\sin(2x-x)}{\sin x \sin 2x} = \frac{1}{\sin 2x} \quad (1)$$

$$\cot g 2x - \cot g 4x = \frac{\sin(4x-2x)}{\sin 2x \sin 4x} = \frac{1}{\sin 4x} \quad (2)$$

$$\cot g4x - \cot g8x = \frac{\sin(8x - 4x)}{\sin 4x \sin 8x} = \frac{1}{\sin 8x} \quad (3)$$

$$\cot g8x - \cot g16x = \frac{\sin(16x - 8x)}{\sin 16x \sin 8x} = \frac{1}{\sin 16x} \quad (4)$$

Lấy (1) + (2) + (3) + (4) ta được

$$\cot gx - \cot g16x = \frac{1}{\sin 2x} + \frac{1}{\sin 4x} + \frac{1}{\sin 8x} + \frac{1}{\sin 16x}$$

**Bài 13 :** Chứng minh :  $8\sin^3 18^\circ + 8\sin^2 18^\circ = 1$

Ta có:  $\sin 18^\circ = \cos 72^\circ$

$$\Leftrightarrow \sin 18^\circ = 2\cos^2 36^\circ - 1$$

$$\Leftrightarrow \sin 18^\circ = 2(1 - 2\sin^2 18^\circ)^2 - 1$$

$$\Leftrightarrow \sin 18^\circ = 2(1 - 4\sin^2 18^\circ + 4\sin^4 18^\circ) - 1$$

$$\Leftrightarrow 8\sin^4 18^\circ - 8\sin^2 18^\circ - \sin 18^\circ + 1 = 0 \quad (1)$$

$$\Leftrightarrow (\sin 18^\circ - 1)(8\sin^3 18^\circ + 8\sin^2 18^\circ - 1) = 0$$

$$\Leftrightarrow 8\sin^3 18^\circ + 8\sin^2 18^\circ - 1 = 0 \text{ (do } 0 < \sin 18^\circ < 1)$$

Cách khác :

Chia 2 vế của (1) cho  $(\sin 18^\circ - 1)$  ta có

$$(1) \Leftrightarrow 8\sin^2 18^\circ (\sin 18^\circ + 1) - 1 = 0$$

**Bài 14 :** Chứng minh :

$$a/ \sin^4 x + \cos^4 x = \frac{1}{4}(3 + \cos 4x)$$

$$b/ \sin 6x + \cos 6x = \frac{1}{8}(5 + 3\cos 4x)$$

$$c/ \sin^8 x + \cos^8 x = \frac{1}{64}(35 + 28\cos 4x + \cos 8x)$$

$$\begin{aligned} a/ \text{Ta có: } \sin^4 x + \cos^4 x &= (\sin^2 x + \cos^2 x)^2 - 2\sin^2 x \cos^2 x \\ &= 1 - \frac{2}{4}\sin^2 2x \\ &= 1 - \frac{1}{4}(1 - \cos 4x) \\ &= \frac{3}{4} + \frac{1}{4}\cos 4x \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} b/ \text{Ta có: } \sin 6x + \cos 6x &= (\sin^2 x + \cos^2 x)(\sin^4 x - \sin^2 x \cos^2 x + \cos^4 x) \\ &= (\sin^4 x + \cos^4 x) - \frac{1}{4}\sin^2 2x \\ &= \left(\frac{3}{4} + \frac{1}{4}\cos 4x\right) - \frac{1}{8}(1 - \cos 4x) \quad (\text{do kết quả câu a}) \\ &= \frac{3}{8}\cos 4x + \frac{5}{8} \end{aligned}$$

$$c/ \text{Ta có: } \sin^8 x + \cos^8 x = (\sin^4 x + \cos^4 x)^2 - 2\sin^4 x \cos^4 x$$

$$\begin{aligned}
&= \frac{1}{16} (3 + \cos 4x)^2 - \frac{2}{16} \sin^4 2x \\
&= \frac{1}{16} (9 + 6 \cos 4x + \cos^2 4x) - \frac{1}{8} \left[ \frac{1}{2} (1 - \cos 4x) \right]^2 \\
&= \frac{9}{16} + \frac{3}{8} \cos 4x + \frac{1}{32} (1 + \cos 8x) - \frac{1}{32} (1 - 2 \cos 4x + \cos^2 4x) \\
&= \frac{9}{16} + \frac{3}{8} \cos 4x + \frac{1}{32} \cos 8x + \frac{1}{16} \cos 4x - \frac{1}{64} (1 + \cos 8x) \\
&= \frac{35}{64} + \frac{7}{16} \cos 4x + \frac{1}{64} \cos 8x
\end{aligned}$$

**Bài 15 :** Chứng minh :  $\sin 3x \cdot \sin^3 x + \cos 3x \cdot \cos^3 x = \cos^3 2x$

**Cách 1:**

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } &\sin 3x \cdot \sin^3 x + \cos 3x \cdot \cos^3 x = \cos^3 2x \\
&= (3 \sin x - 4 \sin^3 x) \sin^3 x + (4 \cos^3 x - 3 \cos x) \cos^3 x \\
&= 3 \sin^4 x - 4 \sin^6 x + 4 \cos^6 x - 3 \cos^4 x \\
&= 3(\sin^4 x - \cos^4 x) - 4(\sin^6 x - \cos^6 x) \\
&= 3(\sin^2 x - \cos^2 x)(\sin^2 x + \cos^2 x) \\
&\quad - 4(\sin^2 x - \cos^2 x)(\sin^4 x + \sin^2 x \cos^2 x + \cos^4 x) \\
&= -3 \cos 2x + 4 \cos 2x [1 - \sin^2 x \cos^2 x] \\
&= -3 \cos 2x + 4 \cos 2x \left(1 - \frac{1}{4} \sin^2 2x\right) \\
&= \cos 2x \left[-3 + 4 \left(1 - \frac{1}{4} \sin^2 2x\right)\right] \\
&= \cos 2x (1 - \sin^2 2x) \\
&= \cos^3 2x
\end{aligned}$$

**Cách 2 :**

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } &\sin 3x \cdot \sin^3 x + \cos 3x \cdot \cos^3 x \\
&= \sin 3x \left( \frac{3 \sin x - \sin 3x}{4} \right) + \cos 3x \left( \frac{3 \cos x + \cos 3x}{4} \right) \\
&= \frac{3}{4} (\sin 3x \sin x + \cos 3x \cos x) + \frac{1}{4} (\cos^2 3x - \sin^2 3x) \\
&= \frac{3}{4} \cos(3x - x) + \frac{1}{4} \cos 6x \\
&= \frac{1}{4} (3 \cos 2x + \cos 3.2x) \\
&= \frac{1}{4} (3 \cos 2x + 4 \cos^3 2x - 3 \cos 2x) \text{ (bỏ dòng này cũng được)} \\
&= \cos^3 2x
\end{aligned}$$

**Bài 16 :** Chứng minh :  $\cos 12^\circ + \cos 18^\circ - 4 \cos 15^\circ \cdot \cos 21^\circ \cos 24^\circ = -\frac{\sqrt{3} + 1}{2}$

$$\begin{aligned}
 & \text{Ta có : } \cos 12^\circ + \cos 18^\circ - 4 \cos 15^\circ (\cos 21^\circ \cos 24^\circ) \\
 &= 2 \cos 15^\circ \cos 3^\circ - 2 \cos 15^\circ (\cos 45^\circ + \cos 3^\circ) \\
 &= 2 \cos 15^\circ \cos 3^\circ - 2 \cos 15^\circ \cos 45^\circ - 2 \cos 15^\circ \cos 3^\circ \\
 &= -2 \cos 15^\circ \cos 45^\circ \\
 &= -(\cos 60^\circ + \cos 30^\circ) \\
 &= -\frac{\sqrt{3} + 1}{2}
 \end{aligned}$$

**Bài 17 :** Tính  $P = \sin^2 50^\circ + \sin^2 70^\circ - \cos 50^\circ \cos 70^\circ$

$$\begin{aligned}
 & \text{Ta có : } P = \frac{1}{2}(1 - \cos 100^\circ) + \frac{1}{2}(1 - \cos 140^\circ) - \frac{1}{2}(\cos 120^\circ + \cos 20^\circ) \\
 & P = 1 - \frac{1}{2}(\cos 100^\circ + \cos 140^\circ) - \frac{1}{2}\left(-\frac{1}{2} + \cos 20^\circ\right) \\
 & P = 1 - (\cos 120^\circ \cos 20^\circ) + \frac{1}{4} - \frac{1}{2}\cos 20^\circ \\
 & P = \frac{5}{4} + \frac{1}{2}\cos 20^\circ - \frac{1}{2}\cos 20^\circ = \frac{5}{4}
 \end{aligned}$$

**Bài 18 :** Chứng minh :  $\operatorname{tg} 30^\circ + \operatorname{tg} 40^\circ + \operatorname{tg} 50^\circ + \operatorname{tg} 60^\circ = \frac{8\sqrt{3}}{3} \cos 20^\circ$

$$\begin{aligned}
 & \text{Áp dụng : } \operatorname{tga} + \operatorname{tgb} = \frac{\sin(a+b)}{\cos a \cos b} \\
 & \text{Ta có : } (\operatorname{tg} 50^\circ + \operatorname{tg} 40^\circ) + (\operatorname{tg} 30^\circ + \operatorname{tg} 60^\circ) \\
 &= \frac{\sin 90^\circ}{\cos 50^\circ \cos 40^\circ} + \frac{\sin 90^\circ}{\cos 30^\circ \cos 60^\circ} \\
 &= \frac{1}{\sin 40^\circ \cos 40^\circ} + \frac{1}{\frac{1}{2} \cos 30^\circ} \\
 &= \frac{2}{\sin 80^\circ} + \frac{2}{\cos 30^\circ} \\
 &= 2\left(\frac{1}{\cos 10^\circ} + \frac{1}{\cos 30^\circ}\right) \\
 &= 2\left(\frac{\cos 30^\circ + \cos 10^\circ}{\cos 10^\circ \cos 30^\circ}\right) \\
 &= 4 \frac{\cos 20^\circ \cos 10^\circ}{\cos 10^\circ \cos 30^\circ} \\
 &= \frac{8\sqrt{3}}{3} \cos 20^\circ
 \end{aligned}$$

**Bài 19 :** Cho  $\Delta ABC$ , Chứng minh :

a/  $\sin A + \sin B + \sin C = 4 \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}$   
 b/  $\cos A + \cos B + \cos C = 1 + 4 \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2}$   
 c/  $\sin 2A + \sin 2B + \sin 2C = 4 \sin A \sin B \sin C$   
 d/  $\cos^2 A + \cos^2 B + \cos^2 C = -2 \cos A \cos B \cos C$   
 e/  $\tan A + \tan B + \tan C = \tan A \tan B \tan C$   
 f/  $\cot \frac{A}{2} \cot \frac{B}{2} + \cot \frac{B}{2} \cot \frac{C}{2} + \cot \frac{C}{2} \cot \frac{A}{2} = 1$   
 g/  $\cot \frac{A}{2} + \cot \frac{B}{2} + \cot \frac{C}{2} = \cot \frac{A}{2} \cdot \cot \frac{B}{2} \cdot \cot \frac{C}{2}$

a/ Ta có :  $\sin A + \sin B + \sin C = 2 \sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \sin(A+B)$   
 $= 2 \sin \frac{A+B}{2} \left( \cos \frac{A-B}{2} + \cos \frac{A+B}{2} \right)$   
 $= 4 \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \quad \left( \text{do } \frac{A+B}{2} = \frac{\pi}{2} - \frac{C}{2} \right)$   
 b/ Ta có :  $\cos A + \cos B + \cos C = 2 \cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} - \cos(A+B)$   
 $= 2 \cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} - \left( 2 \cos^2 \frac{A+B}{2} - 1 \right)$   
 $= 2 \cos \frac{A+B}{2} \left[ \cos \frac{A-B}{2} - \cos \frac{A+B}{2} \right] + 1$   
 $= -4 \cos \frac{A+B}{2} \sin \frac{A}{2} \sin \left( -\frac{B}{2} \right) + 1$   
 $= 4 \sin \frac{C}{2} \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} + 1$   
 c/  $\sin 2A + \sin 2B + \sin 2C = 2 \sin(A+B) \cos(A-B) + 2 \sin C \cos C$   
 $= 2 \sin C \cos(A-B) + 2 \sin C \cos C$   
 $= 2 \sin C [\cos(A-B) - \cos(A+B)]$   
 $= -4 \sin C \sin A \sin(-B)$   
 $= 4 \sin C \sin A \sin B$   
 d/  $\cos^2 A + \cos^2 B + \cos^2 C$   
 $= 1 + \frac{1}{2} (\cos 2A + \cos 2B) + \cos^2 C$   
 $= 1 + \cos(A+B) \cos(A-B) + \cos^2 C$   
 $= 1 - \cos C [\cos(A-B) - \cos C] \text{ do } (\cos(A+B) = -\cos C)$   
 $= 1 - \cos C [\cos(A-B) + \cos(A+B)]$   
 $= 1 - 2 \cos C \cos A \cos B$   
 e/ Do  $A + B + C = \pi$  nên ta có  
 $\tan(A+B) = -\tan C$

$$\begin{aligned}
&\Leftrightarrow \frac{\tan A + \tan B}{1 - \tan A \tan B} = -\tan C \\
&\Leftrightarrow \tan A + \tan B = -\tan C + \tan A \tan B \tan C \\
&\Leftrightarrow \tan A + \tan B + \tan C = \tan A \tan B \tan C \\
&\text{f/ Ta có : } \cot(A+B) = -\cot C \\
&\Leftrightarrow \frac{1 - \tan A \tan B}{\tan A + \tan B} = -\cot C \\
&\Leftrightarrow \frac{\cot A \cot B - 1}{\cot B + \cot A} = -\cot C \quad (\text{nhân tử và mẫu cho } \cot A \cdot \cot B) \\
&\Leftrightarrow \cot A \cot B - 1 = -\cot C \cot B - \cot A \cot C \\
&\Leftrightarrow \cot A \cot B + \cot B \cot C + \cot A \cot C = 1 \\
&\text{g/ Ta có : } \tan \frac{A+B}{2} = \cot \frac{C}{2} \\
&\Leftrightarrow \frac{\tan \frac{A}{2} + \tan \frac{B}{2}}{1 - \tan \frac{A}{2} \tan \frac{B}{2}} = \cot \frac{C}{2} \\
&\Leftrightarrow \frac{\cot \frac{A}{2} + \cot \frac{B}{2}}{\cot \frac{A}{2} \cdot \cot \frac{B}{2} - 1} = \cot \frac{C}{2} \quad (\text{nhân tử và mẫu cho } \cot \frac{A}{2} \cdot \cot \frac{B}{2}) \\
&\Leftrightarrow \cot \frac{A}{2} + \cot \frac{B}{2} = \cot \frac{A}{2} \cot \frac{B}{2} \cot \frac{C}{2} - \cot \frac{C}{2} \\
&\Leftrightarrow \cot \frac{A}{2} + \cot \frac{B}{2} + \cot \frac{C}{2} = \cot \frac{A}{2} \cdot \cot \frac{B}{2} \cdot \cot \frac{C}{2}
\end{aligned}$$

**Bài 20 :** Cho  $\Delta ABC$ . Chứng minh :

$$\cos 2A + \cos 2B + \cos 2C + 4\cos A \cos B \cos C + 1 = 0$$

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } &(\cos 2A + \cos 2B) + (\cos 2C + 1) \\
&= 2 \cos(A+B) \cos(A-B) + 2\cos^2 C \\
&= -2\cos C \cos(A-B) + 2\cos^2 C \\
&= -2\cos C [\cos(A-B) + \cos(A+B)] = -4\cos A \cos B \cos C \\
\text{Do đó : } &\cos 2A + \cos 2B + \cos 2C + 1 + 4\cos A \cos B \cos C = 0
\end{aligned}$$

**Bài 21 :** Cho  $\Delta ABC$ . Chứng minh :

$$\cos 3A + \cos 3B + \cos 3C = 1 - 4 \sin \frac{3A}{2} \sin \frac{3B}{2} \sin \frac{3C}{2}$$

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } &(\cos 3A + \cos 3B) + \cos 3C \\
&= 2 \cos \frac{3}{2}(A+B) \cos \frac{3}{2}(A-B) + 1 - 2 \sin^2 \frac{3C}{2}
\end{aligned}$$

$$\text{Mà : } A + B = \pi - C \text{ nên } \frac{3}{2}(A+B) = \frac{3}{2}\pi - \frac{3C}{2}$$

$$\begin{aligned}
&\Rightarrow \cos \frac{3}{2}(A+B) = \cos \left( \frac{3\pi}{2} - \frac{3C}{2} \right) \\
&= -\cos \left( \frac{\pi}{2} - \frac{3C}{2} \right) \\
&= -\sin \frac{3C}{2}
\end{aligned}$$

Do đó :  $\cos 3A + \cos 3B + \cos 3C$

$$\begin{aligned}
&= -2 \sin \frac{3C}{2} \cos \frac{3(A-B)}{2} - 2 \sin^2 \frac{3C}{2} + 1 \\
&= -2 \sin \frac{3C}{2} \left[ \cos \frac{3(A-B)}{2} + \sin \frac{3C}{2} \right] + 1 \\
&= -2 \sin \frac{3C}{2} \left[ \cos \frac{3(A-B)}{2} - \cos \frac{3}{2}(A+B) \right] + 1 \\
&= 4 \sin \frac{3C}{2} \sin \frac{3A}{2} \sin \left( \frac{-3B}{2} \right) + 1 \\
&= -4 \sin \frac{3C}{2} \sin \frac{3A}{2} \sin \frac{3B}{2} + 1
\end{aligned}$$

**Bài 22 :** A, B, C là ba góc của một tam giác. Chứng minh :

$$\frac{\sin A + \sin B - \sin C}{\cos A + \cos B - \cos C + 1} = \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{cotg} \frac{C}{2}$$

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } &\frac{\sin A + \sin B - \sin C}{\cos A + \cos B - \cos C + 1} = \frac{2 \sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} - 2 \sin \frac{C}{2} \cos \frac{C}{2}}{2 \cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} + 2 \sin^2 \frac{C}{2}} \\
&= \frac{2 \cos \frac{C}{2} \left[ \cos \frac{A-B}{2} - \sin \frac{C}{2} \right]}{2 \sin \frac{C}{2} \left[ \cos \frac{A-B}{2} + \sin \frac{C}{2} \right]} = \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \cdot \frac{\cos \frac{A-B}{2} - \cos \frac{A+B}{2}}{\cos \frac{A-B}{2} + \cos \frac{A+B}{2}} \\
&= \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \cdot \frac{-2 \sin \frac{A}{2} \cdot \sin \left( -\frac{B}{2} \right)}{2 \cos \frac{A}{2} \cdot \cos \frac{B}{2}} \\
&= \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \cdot \operatorname{tg} \frac{A}{2} \cdot \operatorname{tg} \frac{B}{2}
\end{aligned}$$

**Bài 23 :** Cho  $\Delta ABC$ . Chứng minh :

$$\begin{aligned}
&\sin \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} + \sin \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2} + \sin \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \\
&= \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} (*)
\end{aligned}$$

Ta có :  $\frac{A+B}{2} = \frac{\pi}{2} - \frac{C}{2}$  vậy  $\operatorname{tg}\left(\frac{A}{2} + \frac{B}{2}\right) = \operatorname{cotg}\frac{C}{2}$

$$\begin{aligned} &\Leftrightarrow \frac{\operatorname{tg}\frac{A}{2} + \operatorname{tg}\frac{B}{2}}{1 - \operatorname{tg}\frac{A}{2}\operatorname{tg}\frac{B}{2}} = \frac{1}{\operatorname{tg}\frac{C}{2}} \\ &\Leftrightarrow \left[\operatorname{tg}\frac{A}{2} + \operatorname{tg}\frac{B}{2}\right]\operatorname{tg}\frac{C}{2} = 1 - \operatorname{tg}\frac{A}{2}\operatorname{tg}\frac{B}{2} \\ &\Leftrightarrow \operatorname{tg}\frac{A}{2}\operatorname{tg}\frac{C}{2} + \operatorname{tg}\frac{B}{2}\operatorname{tg}\frac{C}{2} + \operatorname{tg}\frac{A}{2}\operatorname{tg}\frac{B}{2} = 1 \quad (1) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Do đó : } (*) &\Leftrightarrow \sin\frac{A}{2}\cos\frac{B}{2}\cos\frac{C}{2} + \sin\frac{B}{2}\cos\frac{C}{2}\cos\frac{A}{2} + \sin\frac{C}{2}\cos\frac{A}{2}\cos\frac{B}{2} \\ &= \sin\frac{A}{2}\sin\frac{B}{2}\sin\frac{C}{2} + 1 \quad (\text{do (1)}) \\ &\Leftrightarrow \sin\frac{A}{2}\left[\cos\frac{B}{2}\cos\frac{C}{2} - \sin\frac{B}{2}\sin\frac{C}{2}\right] + \cos\frac{A}{2}\left[\sin\frac{B}{2}\cos\frac{C}{2} + \sin\frac{C}{2}\cos\frac{B}{2}\right] = 1 \\ &\Leftrightarrow \sin\frac{A}{2}\cos\frac{B+C}{2} + \cos\frac{A}{2}\sin\frac{B+C}{2} = 1 \\ &\Leftrightarrow \sin\frac{A+B+C}{2} = 1 \Leftrightarrow \sin\frac{\pi}{2} = 1 \quad (\text{hiển nhiên đúng}) \end{aligned}$$

**Bài 24 :** Chứng minh :  $\operatorname{tg}\frac{A}{2} + \operatorname{tg}\frac{B}{2} + \operatorname{tg}\frac{C}{2} = \frac{3 + \cos A + \cos B + \cos C}{\sin A + \sin B + \sin C} \quad (*)$

Ta có :

$$\begin{aligned} \cos A + \cos B + \cos C + 3 &= 2\cos\frac{A+B}{2}\cos\frac{A-B}{2} + \left[1 - 2\sin^2\frac{C}{2}\right] + 3 \\ &= 2\sin\frac{C}{2}\cos\frac{A-B}{2} + 4 - 2\sin^2\frac{C}{2} \\ &= 2\sin\frac{C}{2}\left[\cos\frac{A-B}{2} - \sin\frac{C}{2}\right] + 4 \\ &= 2\sin\frac{C}{2}\left[\cos\frac{A-B}{2} - \cos\frac{A+B}{2}\right] + 4 \\ &= 4\sin\frac{C}{2}\sin\frac{A}{2}\cdot\sin\frac{B}{2} + 4 \quad (1) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \sin A + \sin B + \sin C &= 2\sin\frac{A+B}{2}\cos\frac{A-B}{2} + \sin C \\ &= 2\cos\frac{C}{2}\cos\frac{A-B}{2} + 2\sin\frac{C}{2}\cos\frac{C}{2} \\ &= 2\cos\frac{C}{2}\left[\cos\frac{A-B}{2} + \cos\frac{A+B}{2}\right] \\ &= 4\cos\frac{C}{2}\cos\frac{A}{2}\cos\frac{B}{2} \quad (2) \end{aligned}$$

Từ (1) và (2) ta có :

$$\begin{aligned}
(*) \Leftrightarrow & \frac{\sin \frac{A}{2}}{\cos \frac{A}{2}} + \frac{\sin \frac{B}{2}}{\cos \frac{B}{2}} + \frac{\sin \frac{C}{2}}{\cos \frac{C}{2}} = \frac{\sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} + 1}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} \\
\Leftrightarrow & \sin \frac{A}{2} \left[ \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} \right] + \sin \frac{B}{2} \left[ \cos \frac{A}{2} \cos \frac{C}{2} \right] + \sin \frac{C}{2} \left[ \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \right] \\
& = \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} + 1 \\
\Leftrightarrow & \sin \frac{A}{2} \left[ \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} - \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} \right] + \cos \frac{A}{2} \left[ \sin \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} + \sin \frac{C}{2} \cos \frac{B}{2} \right] = 1 \\
\Leftrightarrow & \sin \frac{A}{2} \cdot \cos \frac{B+C}{2} + \cos \frac{A}{2} \sin \frac{B+C}{2} = 1 \\
\Leftrightarrow & \sin \left[ \frac{A+B+C}{2} \right] = 1 \\
\Leftrightarrow & \sin \frac{\pi}{2} = 1 \text{ (hiển nhiên đúng)}
\end{aligned}$$

**Bài 25 :** Cho  $\Delta ABC$ . Chứng minh:  $\frac{\sin \frac{A}{2}}{\cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} + \frac{\sin \frac{B}{2}}{\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2}} + \frac{\sin \frac{C}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} = 2$

Cách 1 :

$$\begin{aligned}
\text{Ta có : } & \frac{\sin \frac{A}{2}}{\cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} + \frac{\sin \frac{B}{2}}{\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2}} = \frac{\sin \frac{A}{2} \cos \frac{A}{2} + \sin \frac{B}{2} \cos \frac{B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} \\
& = \frac{1}{2} \frac{\sin A + \sin B}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} = \frac{\sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} \\
& = \frac{\cos \frac{C}{2} \cdot \cos \frac{A-B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cdot \cos \frac{B}{2} \cdot \cos \frac{C}{2}} = \frac{\cos \left( \frac{A-B}{2} \right)}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} \\
\text{Do đó : Vẽ trái} & = \frac{\cos \left( \frac{A-B}{2} \right)}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} + \frac{\sin \frac{C}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} = \frac{\cos \frac{A-B}{2} + \cos \frac{A+B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} \\
& = \frac{2 \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} = 2
\end{aligned}$$

Cách 2 :

$$\begin{aligned}
\text{Ta có vế trái} &= \frac{\cos \frac{B+C}{2}}{\cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} + \frac{\cos \frac{A+C}{2}}{\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2}} + \frac{\cos \frac{A+B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}} \\
&= \frac{\cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} - \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2}}{\cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}} + \frac{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{C}{2} - \sin \frac{A}{2} \sin \frac{C}{2}}{\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2}} \\
&\quad + \frac{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} - \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2}}{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2}}
\end{aligned}$$

$$= 3 - \left[ \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} \right]$$

$$\text{Mà : } \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} = 1$$

(đã chứng minh tại bài 10 )

$$\text{Do đó : } \text{Vế trái} = 3 - 1 = 2$$

**Bài 26:** Cho  $\Delta ABC$ . Có  $\cot g \frac{A}{2}, \cot g \frac{B}{2}, \cot g \frac{C}{2}$  theo thứ tự tạo cấp số cộng.

$$\text{Chứng minh } \cot g \frac{A}{2} \cdot \cot g \frac{C}{2} = 3$$

Ta có :  $\cot g \frac{A}{2}, \cot g \frac{B}{2}, \cot g \frac{C}{2}$  là cấp số cộng

$$\Leftrightarrow \cot g \frac{A}{2} + \cot g \frac{C}{2} = 2 \cot g \frac{B}{2}$$

$$\Leftrightarrow \frac{\sin \frac{A+C}{2}}{\sin \frac{A}{2} \sin \frac{C}{2}} = \frac{2 \cos \frac{B}{2}}{\sin \frac{B}{2}}$$

$$\Leftrightarrow \frac{\cos \frac{B}{2}}{\sin \frac{A}{2} \sin \frac{C}{2}} = \frac{2 \cos \frac{B}{2}}{\sin \frac{B}{2}}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{\sin \frac{A}{2} \sin \frac{C}{2}} = \frac{2}{\cos \frac{A+C}{2}} \quad (\text{do } 0 < B < \pi \text{ nên } \cos \frac{B}{2} > 0)$$

$$\Leftrightarrow \frac{\cos \frac{A}{2} \cos \frac{C}{2} - \sin \frac{A}{2} \sin \frac{C}{2}}{\sin \frac{A}{2} \cdot \sin \frac{C}{2}} = 2 \Leftrightarrow \cot g \frac{A}{2} \cot g \frac{C}{2} = 3$$

**Bài 27:** Cho  $\Delta ABC$ . Chứng minh :

$$\frac{1}{\sin A} + \frac{1}{\sin B} + \frac{1}{\sin C} = \frac{1}{2} \left[ \operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{cotg} \frac{A}{2} + \operatorname{cotg} \frac{B}{2} + \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \right]$$

$$\text{Ta có : } \operatorname{cotg} \frac{A}{2} + \operatorname{cotg} \frac{B}{2} + \operatorname{cotg} \frac{C}{2} = \operatorname{cotg} \frac{A}{2} \cdot \operatorname{cotg} \frac{B}{2} \cdot \operatorname{cotg} \frac{C}{2}$$

(Xem chứng minh bài 19g )

$$\text{Mặt khác : } \operatorname{tg} \alpha + \operatorname{cotg} \alpha = \frac{\sin \alpha}{\cos \alpha} + \frac{\cos \alpha}{\sin \alpha} = \frac{2}{\sin 2\alpha}$$

$$\begin{aligned} \text{Do đó : } & \frac{1}{2} \left[ \operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{cotg} \frac{A}{2} + \operatorname{cotg} \frac{B}{2} + \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \right] \\ &= \frac{1}{2} \left[ \operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{C}{2} \right] + \frac{1}{2} \left[ \operatorname{cotg} \frac{A}{2} + \operatorname{cotg} \frac{B}{2} + \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \right] \\ &= \frac{1}{2} \left[ \operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{cotg} \frac{A}{2} \right] + \frac{1}{2} \left[ \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{cotg} \frac{B}{2} \right] + \frac{1}{2} \left[ \operatorname{tg} \frac{C}{2} + \operatorname{cotg} \frac{C}{2} \right] \\ &= \frac{1}{\sin A} + \frac{1}{\sin B} + \frac{1}{\sin C} \end{aligned}$$

## BÀI TẬP

### 1. Chứng minh :

a/  $\cos \frac{\pi}{5} - \cos \frac{2\pi}{5} = \frac{1}{2}$

b/  $\frac{\cos 15^\circ + \sin 15^\circ}{\cos 15^\circ - \sin 15^\circ} = \sqrt{3}$

c/  $\cos \frac{2\pi}{7} + \cos \frac{4\pi}{7} + \cos \frac{6\pi}{7} = -\frac{1}{2}$

d/  $\sin^3 2x \sin 6x + \cos^3 2x \cos 6x = \cos^3 4x$

e/  $\operatorname{tg} 20^\circ \operatorname{tg} 40^\circ \operatorname{tg} 60^\circ \operatorname{tg} 80^\circ = 3$

f/  $\operatorname{tg} \frac{\pi}{6} + \operatorname{tg} \frac{2\pi}{9} + \operatorname{tg} \frac{5\pi}{18} + \operatorname{tg} \frac{\pi}{3} = \frac{8\sqrt{3}}{3} \cos \frac{\pi}{9}$

g/  $\cos \frac{\pi}{15} \cdot \cos \frac{2\pi}{15} \cdot \cos \frac{3\pi}{15} \cdot \cos \frac{4\pi}{15} \cdot \cos \frac{5\pi}{15} \cdot \cos \frac{6\pi}{15} \cdot \cos \frac{7\pi}{15} = \frac{1}{2^7}$

h/  $\operatorname{tg} x \operatorname{tg} \left[ \frac{\pi}{3} - x \right] \operatorname{tg} \left[ \frac{\pi}{3} + x \right] = \operatorname{tg} 3x$

k/  $\operatorname{tg} 20^\circ + \operatorname{tg} 40^\circ + \sqrt{3} \operatorname{tg} 20^\circ \operatorname{tg} 40^\circ = \sqrt{3}$

e/  $\sin 20^\circ \sin 40^\circ \sin 80^\circ = \frac{\sqrt{3}}{8}$

m/  $\operatorname{tg} 5^\circ \operatorname{tg} 55^\circ \operatorname{tg} 65^\circ \operatorname{tg} 75^\circ = 1$

2. Chứng minh rằng nếu  $\begin{cases} \sin x = 2 \sin(x+y) \\ x+y \neq (2k+1)\frac{\pi}{2} (k \in \mathbb{Z}) \end{cases}$

thì  $\operatorname{tg}(x+y) = \frac{\sin y}{\cos y - 2}$

### 3. Cho $\Delta ABC$ có 3 góc đều nhọn và $A \geq B \geq C$

a/ Chứng minh :  $\operatorname{tg}A + \operatorname{tg}B + \operatorname{tg}C = \operatorname{tg}A \cdot \operatorname{tg}B \cdot \operatorname{tg}C$

b/ Đặt  $\operatorname{tg}A \cdot \operatorname{tg}B = p$ ;  $\operatorname{tg}A \cdot \operatorname{tg}C = q$

Chứng minh  $(p-1)(q-1) \geq 4$

**4. Chứng minh các biểu thức không phụ thuộc x :**

a/  $A = \sin^4 x (1 + \sin^2 x) + \cos^4 x (1 + \cos^2 x) + 5 \sin^2 x \cos^2 x + 1$

b/  $B = 3(\sin^8 x - \cos^8 x) + 4(\cos^6 x - 2\sin^6 x) + 6 \sin^4 x$

c/  $C = \cos^2(x-a) + \sin^2(x-b) - 2 \cos(x-a) \sin(x-b) \sin(a-b)$

**5. Cho  $\Delta ABC$ , chứng minh :**

a/  $\cot g B + \frac{\cos C}{\sin B \cos A} = \cot g C + \frac{\cos B}{\sin C \cos A}$

b/  $\sin^3 A + \sin^3 B + \sin^3 C = 3 \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} + \cos \frac{3A}{2} \cos \frac{3B}{2} \cos \frac{3C}{2}$

c/  $\sin A + \sin B + \sin C = \cos \frac{A}{2} \cdot \cos \frac{B-C}{2} + \cos \frac{B}{2} \cdot \cos \frac{A-C}{2}$   
 $+ \cos \frac{C}{2} \cdot \cos \frac{A-B}{2}$

d/  $\cot A \cot B + \cot B \cot C + \cot C \cot A = 1$

e/  $\cos^2 A + \cos^2 B + \cos^2 C = 1 - 2 \cos A \cos B \cos C$

f/  $\sin 3A \sin(B-C) + \sin 3B \sin(C-A) + \sin 3C \sin(A-B) = 0$

**6. Tìm giá trị nhỏ nhất của :**

a/  $y = \frac{1}{\sin x} + \frac{1}{\cos x}$  với  $0 < x < \frac{\pi}{2}$

b/  $y = 4x + \frac{9\pi}{x} + \sin x$  với  $0 < x < \infty$

c/  $y = 2 \sin^2 x + 4 \sin x \cos x + \sqrt{5}$

**7. Tìm giá trị lớn nhất của :**

a/  $y = \sin x \sqrt{\cos x} + \cos x \sqrt{\sin x}$

b/  $y = \sin x + 3 \sin 2x$

c/  $y = \cos x + \sqrt{2 - \cos^2 x}$

*TT luyện thi đại học CLC Vĩnh Viễn*